TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 31-3-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc An**

+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Ngọc Duy**

2. Ông **Nguyễn Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thượng Văn G, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ E, Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1985.

HKTT: Tổ E, Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bà Lê Thị Mỹ T1, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ E, Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông G có mặt, ông T, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2024, đơn khởi kiện (sửa đổi) ngày 04/10/2024, các bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thượng Văn G trình bày:*

Gia đình ông Nguyễn T là hàng xóm cách nhà ông vài căn nhà, ông T chia sẻ do hoàn cảnh gia đình khó khăn cần tiền sửa nhà nên ông T, bà T1 có đến hỏi mượn ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngày 12/01/2024 vợ chồng ông T, bà T1 viết giấy xác nhận có mượn ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ký tên hai vợ chồng và hứa sẽ trả hết số tiền trên. Sau đó, ông chỉ được trả có 5.000.000 đồng còn nợ lại 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng). Ngày 28/6/2024 Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải và vợ chồng ông T, bà T1 hứa hẹn sẽ trả đủ số tiền như đã cam kết. Hiện ông sức khỏe không tốt đang sống cùng mẹ đã hơn 90 tuổi, ông cũng không có công việc thu nhập nhưng ông T, bà T1 chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay ông khởi kiện, yêu cầu ông T, bà T1 phải trả lại cho ông 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Ông T, bà T1 đồng ý trả tiền cho ông nhưng mỗi tháng chỉ trả cho ông 2.000.000 đồng, ông không đồng ý.

** Tại các bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn T, bà Lê Thị Mỹ T1 trình bày:*

Vào tháng 01/2024 ông G có cho vợ chồng ông bà vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sửa nhà, thỏa thuận mỗi tháng trả dần cho ông G 5.000.000 đồng, việc vay không có lãi. Ông bà trả được một tháng vì vợ thất nghiệp và đang nuôi ba con nhỏ. Lương mỗi tháng của ông T là công nhân không đủ chi trả. Ông T, bà T1 xác định còn nợ ông G 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng) nên đề nghị được trả cho ông G mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện (sửa đổi), bản tự khai, căn cước công dân của ông G, ông T, đơn đề nghị, đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, đơn đề nghị về việc xét xử vắng mặt của ông G, bà T1, ông T, biên bản hòa giải địa phương, biên bản làm việc, giấy vay đề ngày 12/01/2024.

Tình tiết các bên thống nhất: Số tiền ông T, bà T1 vay ông G theo giấy vay đề ngày 12/01/2024 là 100.000.000 đồng, hiện còn nợ ông G 95.000.000 đồng và ông T bà T1 đồng ý trả 95.000.000 đồng.

Tình tiết các bên không thống nhất: Ông T, bà T1 đề nghị trả 2.000.000 đồng/tháng, ông G không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Các bên xác định ông T, bà T1 vay ông G theo giấy vay đề ngày 12/01/2024 số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, đã trả cho ông 5.000.000 đồng, hiện còn nợ ông G 95.000.000 đồng. Ông G khởi kiện yêu cầu ông T bà T1 trả số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng cho ông G, không yêu cầu tính tiền lãi; ông T, bà T1 đồng ý số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng nhưng đề nghị trả 2.000.000 đồng/tháng, ông G không đồng ý.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 351, 463, 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà T1 phải trả cho ông G số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng, không tính tiền lãi.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn T, bà Lê Thị Mỹ T1 nhưng ông T, bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà T1.

[2] Về nội dung:

Ông G trình bày ông có cho ông T, bà T1 vay số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay đề ngày 12/01/2024, không tính lãi, đã trả cho ông 5.000.000 đồng, hiện còn nợ ông G 95.000.000 đồng. Ông G khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 trả số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng cho ông G, không yêu cầu tính tiền lãi. Ông T, bà T1 thừa nhận có vay tiền như ông G trình bày và đồng ý trả số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả 2.000.000 đồng/tháng, ông G không đồng ý. Do đó, có căn cứ buộc ông T, bà T1 có trách nhiệm trả cho ông G số tiền vay gốc 95.000.000 đồng, không tính tiền lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: 95.000.000 đồng x 5% = 4.750.000 đồng.

Ông G thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thượng Văn G về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Nguyễn T, bà Lê Thị Mỹ T1.

Buộc ông Nguyễn T, bà Lê Thị Mỹ T1 phải thanh toán cho ông Thượng Văn G số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng), không tính tiền lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T, bà Lê Thị Mỹ T1 phải chịu 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày ông G có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà T1 chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T, bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Thượng Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn T, bà Lê Thị Mỹ T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An